

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI: Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 về phê chuẩn phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2018; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2018 và bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; kế hoạch đầu tư công và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 cho các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, các hội, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nêu tại Điều 1 trực tiếp tổ chức thực hiện, đồng thời giao cho các đơn vị trực thuộc thực hiện.

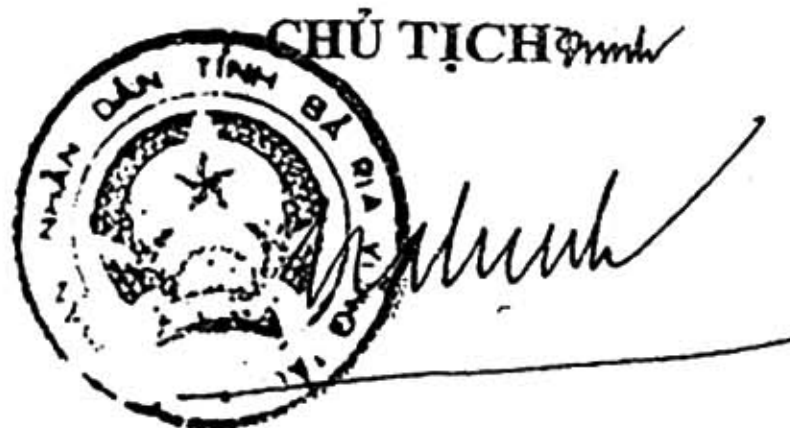
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Thống kê và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nêu tại Điều 1 căn cứ quyết định thực hiện; đồng thời theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân Tỉnh các biện pháp để điều hành thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2018./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu QH Tỉnh;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên UBND Tỉnh;
- UB Mặt trận tổ quốc Việt Nam Tỉnh và các Đoàn thể cấp Tỉnh;
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đài PTTH Tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tỉnh;
- Website tỉnh;
- Như điều 4;
- Lưu: VT, TH.

Th...



Nguyễn Văn Trình



UBND TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

Đơn vị : Sở Tài nguyên và Môi trường

Kèm theo Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh

STT	NỘI DUNG	Số tiền (triệu đồng)
A	DỰ TOÁN THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH TỪ NGUỒN THU	
I	Số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	17.896
1.1	Lệ phí	1.250
	+ Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	128
	+ Lệ phí cấp giấy phép hoạt động lĩnh vực tài nguyên nước	2
	+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở, TS gắn liền với đất	1.120
1.2	Phí	16.646
	+ Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	20
	+ Phí thẩm định thăm dò nước dưới đất	44
	+ Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	8.000
	+ Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.000
	+ Phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc bản đồ	25
	+ Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất	5.475
	+ Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	376
	+ Phí đăng ký giao dịch đảm bảo	1.706
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	10.412
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	7.572
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.572
2.2	Chi quản lý hành chính	2.840
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.840
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	7.484
3.1	Lệ phí	1.250
	+ Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	128
	+ Lệ phí cấp giấy phép hoạt động lĩnh vực tài nguyên nước	2
	+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở, TS gắn liền với đất	1.120
3.2	Phí	6.234
	+ Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	2
	+ Phí thẩm định thăm dò nước dưới đất	22
	+ Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	6.000
	+ Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	200
	+ Phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc bản đồ	10
II	Số thu, chi, nộp ngân sách từ nguồn thu khác	-
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
	Tổng số	238.829
1	Chi quản lý hành chính	53.286
a	Văn phòng Sở Tài nguyên và môi trường	44.239
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.282
	<i>Trong đó, kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	230
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	37.957
	+ Kinh phí trang phục thanh tra	76
	+ Kinh phí làm công tác tiếp công dân xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo	77
	+ Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính	1.500
	+ Kinh phí hoạt động công tác Đảng	119

STT	NỘI DUNG	Số tiền (triệu đồng)
	+ Hỗ trợ kinh phí cho người tham gia tố tụng tại tòa	360
	+ Kinh phí phục vụ công tác tính, thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	355
	+ Chí phí vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu quan trắc tự động	300
	+ Điều tra, đánh giá khoanh định vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	394
	+ Kinh phí thực hiện đề án Xử lý ô nhiễm, cải tạo phục hồi môi trường khu vực đầm chứa trước công xã số 6, xã Tân Hải, huyện Tân Thành	3.550
	+ Bảo vệ môi trường các hồ chứa nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	856
	+ Xây dựng 12 lỗ khoan quan trắc tại 04 hồ cấp nước sinh hoạt và khoan lại 04 lỗ khoan quan trắc bị lấp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	500
	+ Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2011 - 2015	150
	+ Quản lý và khai thác quỹ đất công trên địa bàn tỉnh	1.364
	+ Vận hành mạng quan trắc nước dưới đất tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.276
	+ Vận hành mạng quan trắc tài nguyên nước huyện Côn Đảo	862
	+ Xây dựng bộ đơn giá và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong năm 2018	320
	+ Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất và lập bản đồ giá đất tỉnh	1.600
	+ Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh BR-VT	1.800
	+ Mua sắm thiết bị phục vụ mạng lưới quan trắc môi trường không khí và nước tự động tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	12.486
	+ Điều tra, đánh giá hiện trạng tài nguyên nước mặt, nước dưới đất vùng bờ và các đảo, đề xuất giải pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước huyện Côn Đảo giai đoạn 2015-2025	344
	+ Điều tra đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.000
	+ Phân hạng đất nông nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	378
	+ Khảo sát, đánh giá khả năng, mức độ chứa nước đối với các mỏ và xây dựng có cao độ kết thúc khai thác sâu hơn địa hình tự nhiên	260
	+ Sửa chữa trụ sở Trung tâm quan trắc tài nguyên và Môi trường	680
	+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.	100
	+ Điều tra, phân loại các nguồn thải và xây dựng công cụ hỗ trợ quản lý, kiểm soát ô nhiễm trên địa bàn tỉnh BR-VT	600
	+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hành động về đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.	350
	+ Điều tra, đánh giá nhiễm mặn các tầng chứa nước do tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại các khu vực ven biển tỉnh BRVT, đề xuất và thực hiện các giải pháp quản lý và hạn chế nhiễm mặn, bảo vệ nguồn nước.	300
	+ Tiếp tục triển khai dự án nâng cao nhận thức và kỹ năng của tuyên truyền viên về biến đổi khí hậu của các tổ chức chính trị xã hội	200
	+ Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến vấn đề ngập lụt trên địa bàn tỉnh và kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trong vấn đề chống ngập	200
	+ Lập bản đồ phân vùng nguy cơ ngập lụt do mưa	400
	+ Sổ tay hướng dẫn công tác Quản lý môi trường dành cho cán bộ quản lý doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	300
	+ Trám lấp các giếng hư hỏng trên địa bàn tỉnh BR-VT	400



NỘI DUNG		Số tiền (triệu đồng)
	+ Chương trình hành động chống xói lở bờ biển, bồi tụ và xâm nhập mặn gữa các huyện ven biển tỉnh BRVT	400
	+ Lập bản đồ xác định nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển	600
	+ Xây dựng Atlas trên nền Web tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	600
	+ Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân vùng phát thải khí thải và xả nước thải trên địa bàn tỉnh BRVT	400
	+ Khảo sát thực địa và đánh giá tác động môi trường của các đồi cát trên địa bàn TP. Vũng Tàu	400
	+ Chương trình truyền hình nước sạch và cuộc sống	400
	+ Dự án điều tra, đánh giá, khoanh vùng và có kế hoạch xử lý các khu vực ô nhiễm nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh	500
	+ Xây dựng đề án quản lý môi trường thông minh	200
b	Chi cục bảo vệ môi trường	3.035
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.035
	<i>Trong đó, kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	112
c	Chi cục biển và hải đảo	1.571
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.571
	<i>Trong đó, kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	61
d	Chi cục quản lý đất đai	4.441
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.441
	<i>Trong đó, kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	126
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.000
	+ Kinh phí xác định giá đất cụ thể	1.000
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ (Chi công nghệ thông tin)	407
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	407
	+ Văn phòng Sở Tài nguyên và môi trường	28
	+ Trung tâm công nghệ thông tin	23
	+ Chi cục bảo vệ môi trường	53
	+ Trung tâm phát triển quỹ đất	118
	+ Trung tâm quan trắc tài nguyên và Môi trường	185
3	Chi sự nghiệp đào tạo	279
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Văn phòng Sở)	279
4	Chi sự nghiệp kinh tế	104.845
4.1	Sự nghiệp kinh tế khác	4.190
a	Trung tâm Công nghệ thông tin	783
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	783
	<i>Trong đó, kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	
b	Trung tâm phát triển quỹ đất	3.407
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.955
	<i>Trong đó, kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	114
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	452
	+ Chi thuê bảo vệ các khu đất	452
4.2	Sự nghiệp tài nguyên	100.000
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	100.000
	+ Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính đất bãi bồi ven sông, ven biển; sạt lở, sụt đất tự nhiên trên địa bàn tỉnh	1.200
	+ Đo vẽ lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trụ sở, cơ quan, công trình sự nghiệp	2.000
	+ Khảo sát, đo đạc, cắm mốc xác định ranh giới đất rừng nằm ngoài quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4.800
	+ Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn thành phố Bà Rịa	13.307
	+ Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn huyện Tân Thành	12.585

STT	NỘI DUNG	Số tiền (triệu đồng)
	+ Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn huyện Đất Đỏ	26.108
	+ Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn huyện Xuyên Mộc	40.000
4.3	Quy hoạch	655
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	655
	+ Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh BR-VT đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 - Phần tài nguyên nước mặt	570
	+ Quy hoạch tổng thể thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	85
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	80.000
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	80.000
	+ Kinh phí tăng cường năng lực trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh	80.000
6	Chi khen thưởng	12
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12

Ghi chú:

- Năm 2018, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2018, bao gồm: Từ nguồn thu được để lại cơ quan, đơn vị theo quy định; phần tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2017 còn dư chuyển sang.
- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Việc phân bổ dự toán thực hiện theo phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đồng thời đảm bảo phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
- Đối với kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan và được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

CHI CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA TỈNH NĂM 2018

(Bản hành kèm theo Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Nội dung triển khai	Số lượng	Dự toán năm 2018
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG			50.000
A	Phân bổ về cho các cơ quan, đơn vị			32.602
I	Khối Đảng			1.832
				1.832
1	Tỉnh ủy	Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	76	988
		Máy in A4	27	189
		Router	5	323
		Switch	4	220
		Thủ lao, nhuận bút, tin bài trang thông tin Đảng ủy khối Doanh nghiệp, Tỉnh đoàn, Mặt trận tổ quốc Tỉnh, Ban Tuyên Giáo	4	112
II	Khối Cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh			26.332
				532
1	Văn phòng UBND Tỉnh	Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	8	104
		Máy in A4	2	14
		Màn hình hiển thị camera	2	33
		Màn chiếu	1	45
		Máy Scan	1	4
		Máy ghi âm	30	83
		Ổ cứng di động	3	7
		Router	1	9
		Switch	13	30
		Wifi AP	10	37
		Thủ lao, nhuận bút tin bài cho trang thông tin điện tử VP UBND		28
		Phần mềm An ninh hệ thống cho Thiết bị tường lửa chống Virus & thâm nhập FortiGate FG-100D Bundle Security Appliance) FG100D3G13819611	1	69
		Phần mềm An ninh hệ thống cho Thiết bị tường lửa chống Virus & thâm nhập FortiGate FG-100D Bundle Security Appliance) FC-10-00116-900-02-24	1	69
2	Văn phòng HĐND Tỉnh			182
		Máy in đa chức năng	2	14
		Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	8	104
		Thuê sử dụng phần mềm quản lý tài liệu kỹ hợp	1	36
		Thủ lao, nhuận bút tin bài cho trang thông tin điện tử	1	28
3	Sở Công thương			354
		Thủ lao, nhuận bút tin bài cho trang thông tin điện tử Sở và xúc tiến đầu tư Nhật	2	56
		Triển khai kế hoạch thương mại điện tử		298
4	Sở Y tế			133
		Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	7	91
		Máy in A4	2	14
		Thủ lao, nhuận bút tin bài cho trang thông tin điện tử	1	28
5	Sở Giáo dục và Đào tạo			623
		Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	3	39
		Máy in A4	1	7
		Máy in A3	1	27
		Thủ lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử		28
		Chuyển đổi phần mềm hệ thống thông tin điện tử quản lý phổ cập giáo dục và xóa mù chữ từ Bộ GDĐT về Sở GDĐT	1	522

STT	Tên đơn vị	Nội dung triển khai	Số lượng	Dự toán năm 2018
1	2	3	4	5
				76
6	Sở Khoa học và Công nghệ	Thù lao, nhuận bút tin bài cho trang thông tin điện tử KH&CN tiếng Anh	1	61
		Máy Scan	1	15
7	Sở Lao động thương binh và xã hội			4.263
				4.119
7.1	Văn phòng Sở	Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	7	91
		Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý ngân hàng lao động		4.000
		Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử		28
7.2	Cơ sở tư vấn và điều trị nghiện ma túy	Máy in A4	2	14
				14
7.3	Trung tâm dịch vụ việc làm	Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	10	130
				130
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			249
		Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	17	221
		Chi thù lao, nhuận bút cho Trang thông tin điện tử của Sở	1	28
				2.710
		Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	6	78
		Máy in A4	3	21
		Máy chủ IBM System x3650 M5 2xCPU Xeon 8C E5-2620 v4	1	163
9	Sở Tài chính	Chỉnh sửa, nâng cấp, hỗ trợ người dùng phần mềm Kế toán HSCN (IMAS)	492	886
		Chỉnh sửa, nâng cấp, hỗ trợ người dùng phần mềm Kế toán ngân sách và tài chính xã (KTXA)	64	116
		Chỉnh sửa, nâng cấp, hỗ trợ người dùng phần mềm quản lý tài sản nhà nước (QLTSNN)	945	1.418
		từ	1	28
				5.971
10	Thanh tra Tỉnh	Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử	1	28
		Phần mềm quản lý và tổng hợp công tác thanh tra	1	3.000
		Mở rộng hệ thống phần mềm tiếp nhận đơn thư và giải quyết khiếu nại tố cáo	1	2.943
11	Sở Tài nguyên và Môi trường			407
11.1	Văn phòng Sở			28
		Thù lao nhuận bút biên tập tin bài cho trang cổng TTĐT	1	28
11.2	Trung tâm CNTT			23
		Máy scan	1	23
11.3	Chi cục Bảo vệ môi trường			53
		Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	3	39
		Máy in	2	14
11.4	Trung tâm phát triển quỹ đất			118
		Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	8	104
		Máy in A4	2	14
11.5	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường			185
		Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	12	156
		Máy in A4	2	14
		Máy scan	1	15
12	Sở Nội vụ			84



Tên đơn vị		Nội dung triển khai	Số lượng	Dự toán năm 2018
2		3	4	5
				56
12.1	Văn phòng Sở	Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử của Sở và trang Cải cách hành chính	2	56
12.2	Ban thi đua khen thưởng	Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử	1	28
				7.627
13	Sở Xây dựng	Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	6	78
		Máy in A4	3	21
		Thù lao, nhuận bút, biên tập tin bài cho trang thông tin điện tử	1	28
		Xây dựng hệ thống quản lý hạ tầng trên nền GIS		7.500
14	Ban Dân tộc			55
		Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	1	13
		Máy in A4	2	14
		Thù lao, nhuận bút tin bài cho trang thông tin điện tử	1	28
15	Sở Tư pháp			49
		Máy in A4	3	21
		Thù lao nhuận bút biên tập tin bài cho trang TTĐT	1	28
16	Sở Văn hóa thể thao			258
		Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	15	195
		Máy in A4	5	35
		Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử	1	28
17	Sở KHĐT			28
		Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử	1	28
18	Sở Giao thông vận tải			93
		Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	5	65
		Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử	1	28
19	Sở Ngoại vụ			28
		Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử		28
20	Sở Thông Tin và Truyền Thông			2.498
20.1	Văn phòng Sở			1.318
		Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử	1	28
		Duy trì, mở rộng hệ thống phòng, chống virus máy tính cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Tỉnh	1	1.200
		Triển khai kế hoạch đảm bảo ATTT năm 2018	1	90
20.2	Trung tâm CNTT&TT			1.180
		Chi phí điện duy trì TT.THDL năm 2018	1	180
		Cước đường truyền số liệu chuyên dùng	1	1.000
21	Sở Du lịch			56
		Máy in A4	4	28
		Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử		28
22	Ban Quản lý KCN			28
		Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử	1	28
23	Trường Chính trị			28
		Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử	1	28
III	Các Hội được hỗ trợ			68
1	Liên Minh HTX			28
		Thù lao nhuận bút tin bài trang thông tin điện tử	1	28
2	Hội Khoa học Lịch sử			26
		Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt	2	26
3	Hội người cao tuổi			14
		Máy in A4	2	14

STT	Tên đơn vị	Nội dung triển khai	Số lượng	Dự toán năm 2018
1	2	3	4	5
IV	UBND Các Huyện, Thành phố			4.370
				743
		Mua sắm thay thế thiết bị HNTH cũ hư hỏng	1	150
1	UBND TP. Bà Rịa	Mở rộng thêm một điểm cầu HNTH (bao gồm thiết bị đầu cuối kết nối, camera, hệ thống âm thanh, màn hình tivi hiển thị)	1	400
		Duy trì đường truyền SL chuyên dùng của UBND thành phố và 11 phường, xã	1	193
				755
		Mua sắm thay thế thiết bị HNTH cũ hư hỏng	1	150
2	UBND TP. Vũng Tàu	Mở rộng thêm một điểm cầu HNTH (bao gồm thiết bị đầu cuối kết nối, camera, hệ thống âm thanh, màn hình tivi hiển thị)	1	400
		Duy trì đường truyền SL chuyên dùng	1	205
				578
		Duy trì đường truyền SL chuyên dùng	1	178
3	UBND Huyện Long Điền	Mở rộng thêm một điểm cầu HNTH (bao gồm thiết bị đầu cuối kết nối, camera, hệ thống âm thanh, màn hình tivi hiển thị)	1	400
				750
		Duy trì đường truyền SL chuyên dùng	1	200
		Mua sắm thay thế thiết bị HNTH cũ hư hỏng	1	150
4	UBND Huyện Châu Đức	Mở rộng thêm một điểm cầu HNTH (bao gồm thiết bị đầu cuối kết nối, camera, hệ thống âm thanh, màn hình tivi hiển thị)	1	400
				764
		Mua sắm thay thế thiết bị HNTH cũ hư hỏng	1	150
5	UBND Huyện Xuyên Mộc	Mở rộng thêm một điểm cầu HNTH (bao gồm thiết bị đầu cuối kết nối, camera, hệ thống âm thanh, màn hình tivi hiển thị)	1	400
		Duy trì đường truyền SL chuyên dùng	1	214
				182
6	UBND Huyện Tân Thành	Duy trì đường truyền SL chuyên dùng	1	182
				120
7	UBND Huyện Đất Đỏ	Duy trì đường truyền SL chuyên dùng	1	120
				478
8	UBND Huyện Côn Đảo	Mở rộng thêm một điểm cầu HNTH (bao gồm thiết bị đầu cuối kết nối, camera, hệ thống âm thanh, màn hình tivi hiển thị)	1	400
		Duy trì đường truyền số liệu chuyên dụng	1	78
B	Nguồn kinh phí dự phòng cho các nhiệm vụ chi CNTT theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong năm 2018			17.398
		Triển khai Phần mềm quản lý điều hành văn bản dùng chung của Tỉnh		
		Triển khai Phần mềm một cửa điện tử dùng chung của Tỉnh		
		Hoạt động Ban Chỉ đạo CNTT		
		Thuê Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh		

STT	Tên đơn vị	Nội dung triển khai	Số lượng	Dự toán năm 2018
1	2	3	4	5
		Xây dựng hệ thống ứng dụng các thiết bị viễn thông để nâng cao năng lực quản lý nhà nước sau Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn Tỉnh		
		Xây dựng LGSP tỉnh		
		Trục kết nối liên thông quy mô cấp tỉnh (ESB - Enterprise Service Bus)		
		Hệ thống xác thực và quản lý tài khoản tập trung toàn tỉnh, sẵn sàng tích hợp với quốc gia (Identity Management)		
		Chi phí duy trì và chi phí thiết bị đường dây nóng của lãnh		
		Triển khai đề án ISO điện tử cho tỉnh (thí điểm tại 05 đơn vị)		
		Công thông tin điện tử tập trung toàn tỉnh		



KT. CHỦ TỊCH *Đinh*
PHÓ CHỦ TỊCH

ong

Nguyễn Thành Long